

Số : 1538/TCKT-TCT

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2025

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng công ty Xây dựng Hà Nội – CTCP thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Tổng công ty Xây dựng Hà Nội – CTCP

- Mã chứng khoán: HAN
- Địa chỉ: Số 57 Phố Quang Trung, P. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
- Điện thoại liên hệ/Tel: 024 3826 3162 Fax: 024 394 395 21
- Email: [tckt.tct@gmail.com](mailto:tckt.tct@gmail.com) Website: hancorp.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên năm 2025
  - ☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được soát xét giữa niên độ 2025):

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được soát xét giữa niên độ 2025):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:



☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 29/08/2025 tại đường dẫn: <https://hancorp.vn/News/Category/28>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI - CTCP**

**Nơi nhận:**

- như trên;
- Lưu TCHC; TCKT;

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC;
- Văn bản giải trình;



**THÀNH PHỐ HÀ NỘI**  
**GIÁM ĐỐC**  
*ThS. Nguyễn Đỗ Quý*



**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI - CTCP**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 45





**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

**TỔNG CÔNG TY**

Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP (gọi tắt là “Tổng Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước thành lập theo Quyết định số 990/BXD-TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Tổng Công ty thực hiện cổ phần hóa và chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần ngày 14/8/2014.

Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100106338 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17/6/1996, đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và thay đổi lần thứ mười hai (12) ngày 23/3/2021.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 (mười hai) ngày 23/3/2021 là 1.410.480.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một nghìn, bốn trăm mười tỷ, bốn trăm tám mươi triệu đồng chẵn*); tương đương 141.048.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với Mã chứng khoán HAN. Cổ phiếu của Tổng Công ty hiện đang bị duy trì diện cảnh báo theo Quyết định số 285/QĐ-SGDHN ngày 04/4/2024 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Trụ sở chính của Tổng Công ty: Số 57 Quang Trung, phường Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Đậu Văn Diện	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đỗ Quý	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Cương	Thành viên
Ông Dương Ngọc Quang	Thành viên
Ông Trần Huyền Linh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 21/01/2025)

**Ban Kiểm soát**

Ông Đinh Công Thụy	Trưởng ban
Bà Dương Thị Kim Quy	Thành viên
Bà Trần Thị Kim Liên	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Đỗ Quý	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Cương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Ngọc Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ để Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc, 



**Nguyễn Đỗ Quý**  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2025



Số: 360/2025/BCSX-CPA VIETNAM-NV2

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP, được lập ngày 25 tháng 8 năm 2025, từ trang 06 đến trang 45, bao gồm Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/6/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Tổng Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ**

Như đã trình bày tại Thuyết minh 5.12 và Thuyết minh số 4 - Chính sách kế toán các khoản đầu tư tài chính của Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được lập trên cơ sở giá trị hợp lý do Ban lãnh đạo Tổng Công ty tự xác định. Theo đó, chúng tôi không thể xác định được các số liệu cần thiết phải điều chỉnh trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 của Tổng Công ty hay không.

**Kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



---

**Nguyễn Thị Mai Hoa****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy ủy quyền số: 08/2025/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2025



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>3.396.230.013.481</b>	<b>3.394.596.409.316</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>207.944.865.884</b>	<b>309.860.481.594</b>
1. Tiền	111		207.944.865.884	309.860.481.594
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>3.292.985.021</b>	<b>3.292.985.021</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	3.292.985.021	3.292.985.021
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.364.646.149.466</b>	<b>2.272.543.536.296</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	1.473.391.803.437	1.365.411.768.229
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	598.040.020.366	624.542.426.749
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	378.987.219.071	368.362.234.726
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(85.772.893.408)	(85.772.893.408)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>680.231.005.236</b>	<b>698.811.616.821</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.7	680.231.005.236	698.811.616.821
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>140.115.007.874</b>	<b>110.087.789.584</b>
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		100.660.733.664	91.115.005.607
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.16	39.454.274.210	18.972.783.977
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>1.419.671.323.502</b>	<b>1.432.084.332.630</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>33.507.436.267</b>	<b>35.586.565.873</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	32.185.496.682	34.256.813.790
- Nguyên giá	222		87.135.901.253	87.050.365.798
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(54.950.404.571)	(52.793.552.008)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	1.321.939.585	1.329.752.083
- Nguyên giá	228		1.639.700.000	1.639.700.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(317.760.415)	(309.947.917)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>5.10</b>	<b>420.592.762.288</b>	<b>433.870.785.145</b>
1. Nguyên giá	231		546.830.595.392	546.830.595.392
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(126.237.833.104)	(112.959.810.247)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>7.719.599.716</b>	<b>4.657.301.320</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	7.719.599.716	4.657.301.320
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.12</b>	<b>955.921.582.218</b>	<b>955.921.582.218</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		192.511.012.070	192.511.012.070
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		344.878.757.352	344.878.757.352
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		455.299.236.796	455.299.236.796
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(36.767.424.000)	(36.767.424.000)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>929.943.013</b>	<b>1.048.098.074</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.13	929.943.013	1.048.098.074
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>4.815.901.336.983</b>	<b>4.826.680.741.946</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ ( 300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>3.299.898.255.348</b>	<b>3.333.977.319.687</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.156.859.928.653</b>	<b>3.188.965.106.534</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	713.989.057.041	648.207.902.213
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	257.711.151.922	350.934.561.569
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	87.803.273.019	130.067.770.177
4. Phải trả người lao động	314		3.883.956.778	5.457.684.978
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	1.108.157.489.302	1.176.455.281.350
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.18	3.947.772.916	3.947.772.916
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19	156.458.631.330	175.760.624.233
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.20	818.537.901.680	691.183.314.433
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		6.370.694.665	6.950.194.665
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>143.038.326.695</b>	<b>145.012.213.153</b>
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.18	143.038.326.695	145.012.213.153
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.516.003.081.635</b>	<b>1.492.703.422.259</b>
<b>(400 = 410)</b>				
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.21</b>	<b>1.516.003.081.635</b>	<b>1.492.703.422.259</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.410.480.000.000	1.410.480.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.410.480.000.000	1.410.480.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		37.471.859.524	37.471.859.524
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		68.051.222.111	44.751.562.735
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		44.751.562.735	
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		23.299.659.376	44.751.562.735
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>4.815.901.336.983</b>	<b>4.826.680.741.946</b>
<b>(440 = 300+400)</b>				

Người lập



Nguyễn Thị Thu Hương

Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Huy

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2025

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đỗ Quý



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.500.911.126.069	1.111.318.476.447
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		1.500.911.126.069	1.111.318.476.447
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.470.915.258.354	1.062.440.782.071
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		29.995.867.715	48.877.694.376
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	38.395.301.913	19.296.681.117
7. Chi phí tài chính	22	6.4	21.867.398.146	19.675.980.973
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		21.867.398.146	19.675.980.973
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	23.642.229.998	21.176.261.421
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		22.881.541.484	27.322.133.099
10. Thu nhập khác	31	6.6	40.585.072.147	73.699.614.895
11. Chi phí khác	32	6.6	40.166.954.255	72.338.359.920
12. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	418.117.892	1.361.254.975
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		23.299.659.376	28.683.388.074
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	-	5.773.508.314
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		23.299.659.376	22.909.879.760

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Hương



Nguyễn Quang Huy



Nguyễn Đỗ Quý

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		23.299.659.376	28.683.388.074
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		15.442.687.918	6.301.696.678
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(38.395.301.913)	(19.296.681.117)
- Chi phí lãi vay	06		21.867.398.146	19.675.980.973
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		22.214.443.527	35.364.384.608
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(97.591.613.113)	(105.792.173.019)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		18.580.611.585	126.591.447.655
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(92.298.766.552)	(505.856.884.906)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(9.427.572.996)	316.929.657
- Tiền lãi vay đã trả	14		(22.571.314.756)	(19.675.980.973)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(26.032.146.904)	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(579.500.000)	(396.500.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>(207.705.859.209)</b>	<b>(469.448.776.978)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.147.833.851)	(1.577.362.846)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		23.402.811.623	38.691.681.117
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>20.254.977.772</b>	<b>37.114.318.271</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền thu từ cho vay	33		602.667.341.076	456.464.301.457
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(475.312.753.829)	(338.092.006.530)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(41.819.321.520)	(55.759.843.200)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>85.535.265.727</b>	<b>62.612.451.727</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	50		<b>(101.915.615.710)</b>	<b>(369.722.006.980)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60	5.1	<b>309.860.481.594</b>	<b>471.444.182.839</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	70	5.1	<b>207.944.865.884</b>	<b>101.722.175.859</b>

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Hương

Nguyễn Quang Huy



Nguyễn Đỗ Quý



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước thành lập theo Quyết định số 990/BXD-TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Tổng Công ty thực hiện cổ phần hóa và chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần ngày 14/8/2014.

Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Tổng Công ty Cổ phần số 0100106338 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17/6/1996, đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và thay đổi lần thứ mười (12) ngày 23/3/2021.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 (mười hai) ngày 23/3/2021 là 1.410.480.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một nghìn, bốn trăm mười tỷ, bốn trăm tám mươi triệu đồng chẵn*); tương đương 141.048.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với Mã chứng khoán HAN. Cổ phiếu của Tổng Công ty hiện đang bị duy trì diện cảnh báo theo Quyết định số 285/QĐ-SGDHN ngày 04/4/2024 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Trụ sở chính của Tổng Công ty: Số 57 Quang Trung, phường Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2025 là: 245 người (tại ngày 31/12/2024 là 253 người).

**1.2 Ngành, nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình dân dụng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Kinh doanh Bất động sản; Quản lý và vận hành nhà chung cư).

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong kỳ: Kinh doanh bất động sản và thi công các công trình xây dựng.

**1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI - CTCP**Số 57 Quang Trung, phường Hai Bà Trưng,  
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/25

**1.4 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30/6/2025, Tổng Công ty có các đơn vị phụ thuộc và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết như sau:

Tên đơn vị phụ thuộc	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Ban quản lý dự án số 1 (trước đây là Ban quản lý các Dự án Phát triển Nhà và Đô thị)	Dự án Khu Ngoại Giao, phường Xuân Đình, TP Hà Nội	Quản lý dự án
Xí nghiệp Dịch vụ Đô thị và Nhà ở (ngừng hoạt động)	Làng Quốc tế Thăng Long, phường Cầu Giấy, TP Hà Nội	Quản lý, vận hành dự án
Công ty Xây dựng Quốc tế	Số B3B, Làng Quốc tế Thăng Long, phường Cầu Giấy, TP Hà Nội	Xây dựng
Chi nhánh Hồ Chí Minh (ngừng hoạt động)	Số 11 đường D1, phường Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM	Xây dựng

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>				
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội	Hà Nội	Kinh doanh Bất động sản và thi công xây dựng	50,36%	50,36%
Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà và Xây dựng Tây hồ	Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh dịch vụ thương mại và xây dựng	50,09%	50,09%
Công ty CP Thiết bị và Vật liệu Xây dựng Hancorp	Hà Nội	Kinh doanh Bất động sản và thi công xây dựng	95,52%	95,52%
Công ty TNHH MTV Hancorp 3	Tp. Hồ Chí Minh	Thi công xây dựng	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Hantech	Hà Nội	Thi công xây dựng	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Hancorp1 Hà Nội	Hà Nội	Thi công xây dựng	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Hancorp	Hà Nội	Thi công xây dựng và dịch vụ	51,00%	51,00%
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Hancorp	Hà Nội	Sản xuất bê tông, vật liệu xây dựng, thi công xây dựng	27,73%	27,73%
Công ty Cổ phần Xây dựng Hancorp.2	Thanh Hóa	Xây dựng, Tư vấn thiết kế	46,07%	46,07%
Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế và kinh doanh nhà	Hà Nội	Tư vấn, thiết kế	36,00%	36,00%
Công ty Cổ phần Xây dựng số 34	Hà Nội	Xây dựng	30,00%	30,00%
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng	Hà Nội	Cơ khí và Xây dựng	29,95%	29,95%
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới Xây lắp	Hà Nội	Xây dựng, kinh doanh vật liệu xây dựng	28,53%	28,53%
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	Hà Nội	Xây dựng, sản xuất bê tông	28,07%	28,07%



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/25

**1.4 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

<u>Tên Công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Ngành nghề kinh doanh</u>	<u>Tỷ lệ góp vốn</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>
Công ty Cổ phần kinh doanh vật tư và Xây dựng	Hà Nội	Xây dựng	27,00%	27,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bất động sản LANMAK	Hà Nội	Xây dựng, Bất động sản, Tư vấn, quản lý bất động sản	27,00%	27,00%
Công ty TNHH Quốc tế Hồ Tây	Hà Nội	Kinh doanh Khách sạn	25,00%	25,00%
Công ty Cổ phần Công nghệ Xây dựng Hancorp5	Hà Nội	Tư vấn	25,00%	25,00%
Công ty Cổ phần Xi măng Mỹ Đức	Hà Nội	Sản xuất Xi măng	44,00%	44,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Cao Tốc Hòa Bình- Sơn La	Hà Nội	Xây dựng	20,00%	20,00%

**1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/11/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/25

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Tổng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Tổng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty trong kỳ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán*****Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ***

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

***Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ***

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP ngoại Tổng Công ty mở tài khoản tại ngày 30/06/2025.

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP ngoại Tổng Công ty mở tài khoản tại ngày 30/06/2025.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/25

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính*****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác***

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

***Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư***

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập trên cơ sở giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do Tổng Công ty tự xác định.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/25

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>Số năm</b>
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao thời gian từ 3 năm đến 5 năm.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không thời hạn, Tổng Công ty không thực hiện trích khấu hao.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/25

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Tổng Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc

**Số năm**  
10 - 50

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 36 tháng.

Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng 36 tháng.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/25

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều năm.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và Văn bản chấp thuận của Bộ Xây dựng.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/25

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Tổng Công ty bao gồm doanh thu hợp đồng xây dựng, doanh thu kinh doanh bất động sản, doanh thu bán hàng và doanh thu cung cấp dịch vụ (cho thuê văn phòng và phí dịch vụ, cho thuê thiết bị),...

***Doanh thu bán hàng hóa***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu bán bất động sản***

Doanh thu bán bất động sản mà Tổng Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.

- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản

***Doanh thu Hợp đồng xây dựng***

Doanh thu hợp đồng xây dựng quy định Tổng Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/25

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

**Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác**

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của hợp đồng xây dựng, sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/25

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	676.803.786	264.199.048
Tiền gửi ngân hàng	207.268.062.098	309.596.282.546
<b>Tổng</b>	<b>207.944.865.884</b>	<b>309.860.481.594</b>

**5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	3.292.985.021	3.292.985.021	3.292.985.021	3.292.985.021
- Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng	3.292.985.021	3.292.985.021	3.292.985.021	3.292.985.021
<b>Tổng</b>	<b>3.292.985.021</b>	<b>3.292.985.021</b>	<b>3.292.985.021</b>	<b>3.292.985.021</b>

*Đơn vị tính: VND*

**5.3 Phải thu của khách hàng**

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	1.473.391.803.437	1.365.411.768.229
BQL Dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 - Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	235.194.621.537	297.738.924.321
Bệnh viện Việt Đức- cơ sở 2	216.405.627.700	216.405.627.700
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Phú Mỹ	48.777.159.998	48.777.159.998
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bất động sản Lanmak	10.012.683.954	11.368.009.357
Bệnh viện Nhi Trung ương	16.580.108.238	16.580.108.238
Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Bất động sản Hà Nội	15.586.038.600	36.984.692.306
Công ty bảo tàng HCM		
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Bất động sản Hà Nội	15.586.038.600	36.984.692.306
UBND tỉnh Đồng Nai	100.048.699.111	100.048.699.111
Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất - CN Tổng Công ty cảng Hàng không Việt Nam - CTCP	280.528.047.156	50.570.444.277
Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài - CN Tổng Công ty cảng Hàng không Việt Nam - CTCP	79.848.838.068	-
BQL đường sắt đô thị Hà Nội	88.860.545.750	129.572.192.791
Phải thu khách hàng ngắn hạn khác	365.963.394.725	420.381.217.824
<b>Tổng</b>	<b>1.473.391.803.437</b>	<b>1.365.411.768.229</b>

*Trong đó phải thu các bên liên quan (trình bày tại Thuyết minh số 7.1)*

**13.432.691.750      14.895.188.068**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/25

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty Cổ phần Hancorp	140.092.253.674	109.710.895.110
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Hà Nội	62.984.769.245	65.938.512.876
Công ty Cổ phần Sông Hồng Hà	50.417.419.000	50.417.419.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại An Xuân Thịnh	29.161.327.815	29.161.327.815
Công ty Cổ phần Công nghệ và Xây dựng Hancorp 5	11.052.000.050	11.204.097.626
Các đối tượng khác	304.332.250.582	358.110.174.322
<b>Tổng</b>	<b>598.040.020.366</b>	<b>624.542.426.749</b>
<i>Trong đó trả trước cho người bán các bên liên quan (trình bày tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>223.891.391.314</i>	<i>213.042.228.672</i>

**5.5 Phải thu khác**

*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2025		01/01/2025	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>378.987.219.071</b>	<b>(84.986.937.768)</b>	<b>368.362.234.726</b>	<b>(84.986.937.768)</b>
- Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	1.014.007.106		134.244.858	
- Tạm ứng	12.421.832.259	-	10.823.918.208	-
- Phải thu khác	365.551.379.706	-	357.404.071.660	-
Công ty Cổ phần Cơ khí & Xây dựng	29.423.759.161	(14.852.252.980)	29.673.759.161	(14.852.252.980)
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bất Động Sản Lanmak	7.196.409.464	-	7.196.409.464	-
Công ty Cổ phần Đầu tư & xây dựng số 4	2.500.000.000	-	3.516.880.955	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh vật tư & Xây dựng	4.824.594.541	-	4.807.494.541	-
Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước và Xây dựng	383.589.360	-	1.283.589.360	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế xây dựng và kinh doanh Nhà	1.600.227.067	-	1.637.127.067	-
Công ty Cổ phần Kinh Bắc	-	-	3.227.841.049	-
Công ty Cổ phần Hancorp	43.534.895.940	-	42.552.036.594	-
+ Các khoản phải thu khác	276.087.904.173	(70.134.684.788)	263.508.933.469	(70.134.684.788)
<b>Dài hạn</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>-</b>
- Ký cược, ký quỹ	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>379.987.219.071</b>	<b>(84.986.937.768)</b>	<b>369.362.234.726</b>	<b>(84.986.937.768)</b>
<i>Trong đó phải thu khác các bên liên quan được trình bày Thuyết minh 7.1</i>	<i>197.993.400.031</i>	<i>(14.852.252.980)</i>	<i>207.228.096.082</i>	<i>(14.852.252.980)</i>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/25

**5.6 Nợ xấu**

*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển xây dựng	33.429.921.970	17.429.921.970	33.429.921.970	17.429.921.970
Công ty CP xây dựng Hancorp.2	66.964.436.561	12.829.751.773	66.964.436.561	12.829.751.773
Công ty Cổ phần Cơ khí & Xây dựng	29.423.759.161	14.571.506.181	29.673.759.161	14.821.506.181
Các đối tượng khác	785.955.640	-	785.955.640	-
<b>Tổng</b>	<b>130.604.073.332</b>	<b>44.831.179.924</b>	<b>130.854.073.332</b>	<b>45.081.179.924</b>

**5.7 Hàng tồn kho**

*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	680.231.005.236	-	698.811.616.821	-
<b>Tổng</b>	<b>680.231.005.236</b>	<b>-</b>	<b>698.811.616.821</b>	<b>-</b>

	30/6/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Dự án đầu tư bất động sản</b>	<b>485.948.094.648</b>	<b>-</b>	<b>473.101.420.152</b>	<b>-</b>
- Các hạng mục tại dự án Ngoại giao đoàn	485.948.094.648	-	473.101.420.152	-
Dự án Nhà ở cao tầng N01-T8-NGĐ	13.597.380.104	-	13.597.380.104	-
Nhà ở cao tầng N01, N02 - Khu Ngoại giao đoàn	81.330.480.413	-	81.330.480.413	-
Dự án BT1 đến BT6 Ngoại giao đoàn	77.668.604.419	-	77.668.604.419	-
Khu công cộng CC1-CC5A Ngoại giao đoàn	105.350.865.137	-	101.819.050.151	-
Lô đất NT1, NT2, TH1, TH2 Khu Ngoại giao đoàn	117.201.518.564	-	115.244.144.847	-
Bãi đỗ xe (P1, P2) - Khu Ngoại giao đoàn	37.442.063.812	-	36.684.896.087	-
Tòa nhà hỗn hợp N01 - T6, T7 Ngoại giao đoàn	6.600.318.068	-	-	-
Các hạng mục khác tại Dự án Ngoại giao đoàn	46.756.864.131	-	46.756.864.131	-
<b>Các công trình xây lắp</b>	<b>194.282.910.588</b>	<b>-</b>	<b>225.710.196.669</b>	<b>-</b>
Gói thầu 12-T3TSN	56.888.425.333	-	124.432.296.606	-
TT điều dưỡng và phục hồi CN TP. HCM	27.665.122.553	-	19.310.894.698	-
Các công trình khác	109.729.362.702	-	81.967.005.365	-
<b>Tổng</b>	<b>680.231.005.236</b>	<b>-</b>	<b>698.811.616.821</b>	<b>-</b>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2025	58.987.426.121	4.471.495.953	18.468.014.543	5.123.429.181	87.050.365.798
Tăng trong kỳ	-	-	-	85.535.455	85.535.455
Mua trong kỳ	-	-	-	85.535.455	85.535.455
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2025	58.987.426.121	4.471.495.953	18.468.014.543	5.208.964.636	87.135.901.253
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2025	32.943.465.096	4.443.007.764	10.463.387.385	4.943.691.763	52.793.552.008
Tăng trong kỳ	1.065.545.496	21.070.993	1.018.093.944	52.142.130	2.156.852.563
Khấu hao trong kỳ	1.065.545.496	21.070.993	1.018.093.944	52.142.130	2.156.852.563
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2025	34.009.010.592	4.464.078.757	11.481.481.329	4.995.833.893	54.950.404.571
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2025	26.043.961.025	28.488.189	8.004.627.158	179.737.418	34.256.813.790
Tại 30/6/2025	24.978.415.529	7.417.196	6.986.533.214	213.130.743	32.185.496.682

Tổng Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng với giá trị còn lại tại ngày 30/6/2025 là 18.839.584.996 VND (tại ngày 01/01/2025 là 19.747.869.324 VND).

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2025 với giá trị là 13.201.561.399 VND (tại ngày 01/01/2025 là 12.444.048.644 VND).



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

**5.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình***Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại 01/01/2025	1.297.200.000	342.500.000	1.639.700.000
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số dư tại 30/6/2025</b>	<b>1.297.200.000</b>	<b>342.500.000</b>	<b>1.639.700.000</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại 01/01/2025	-	309.947.917	309.947.917
Tăng trong kỳ	-	7.812.498	7.812.498
Khấu hao trong kỳ	-	7.812.498	7.812.498
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số dư tại 30/6/2025</b>	<b>-</b>	<b>317.760.415</b>	<b>317.760.415</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2025	1.297.200.000	32.552.083	1.329.752.083
Tại 30/6/2025	1.297.200.000	24.739.585	1.321.939.585

(\*): Quyền sử dụng đất là quyền sử dụng đất lâu dài (94m<sup>2</sup>) tại số 1C5, đường D1, Phường Thanh Mỹ Tây, thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2025 với giá trị là 117.500.000 VND (tại ngày 01/01/2025 là 117.500.000 VND).

**5.10 Tăng, giảm bất động sản đầu tư***Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
<b>Nguyên giá</b>	<b>546.830.595.392</b>	-	-	<b>546.830.595.392</b>
Nhà (*)	539.074.036.423	-	-	539.074.036.423
Cơ sở hạ tầng (**)	7.756.558.969	-	-	7.756.558.969
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>112.959.810.247</b>	<b>13.278.022.857</b>	-	<b>126.237.833.104</b>
Nhà (*)	112.142.768.334	13.081.511.091	-	125.224.279.425
Cơ sở hạ tầng (**)	817.041.913	196.511.766	-	1.013.553.679
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>433.870.785.145</b>	<b>(13.278.022.857)</b>	-	<b>420.592.762.288</b>
Nhà (*)	426.931.268.089	(13.081.511.091)	-	413.849.756.998
Cơ sở hạ tầng (**)	6.939.517.056	(196.511.766)	-	6.743.005.290

(\*): Bất động sản đầu tư gồm:

**Bất động sản đầu tư cho thuê**

- (1) Tầng hầm, trung tâm thương mại khối 3 tầng, tầng 1 và tầng 2, diện tích khu văn phòng thuộc dự án 28 tầng Làng Quốc tế Thăng Long;
- (2) Tầng hầm, khu văn phòng tầng 1 thuộc khu nhà ở và thương mại N04A - dự án hạ tầng Ngoại giao đoàn;
- (3) Tầng hầm và khu văn phòng tầng 1 thuộc dự án Nhà ở cao tầng N01T8 - dự án hạ tầng Ngoại giao đoàn;
- (4) Bãi đỗ xe P2 khu Ngoại giao đoàn.
- (5) Tầng hầm N01T6,7 thuộc dự án nhà ở cao tầng N01T6,7 - dự án hạ tầng Ngoại giao đoàn.
- (6) Tòa nhà văn phòng 14 tầng tại số 59 Quang Trung, phường Hai Bà Trưng, Hà Nội;

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

**5.10 Tăng, giảm Bất động sản đầu tư (Tiếp theo)**

**Bất động sản đầu tư chờ tăng giá**

(7) Biệt thự 28.6 dự án khu dân cư Phương An - Long Thọ, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai

**(\*\*): Bất động sản đầu tư cho thuê là cơ sở hạ tầng bao gồm:**

(1) Sân tennis - Khu nhà ở công vụ và thương mại N04A;

(2) Bể bơi và khu vực phục vụ bể bơi - Nhà ở cao tầng N01T8;

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cần được trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Tại ngày 30/6/2025, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư, chưa trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ Tổng Công ty, tuy nhiên dựa trên tỷ lệ cho thuê của các tài sản này và giá trị thị trường, Tổng Công ty đánh giá rằng giá trị thị trường của các bất động sản đầu tư này đang cao hơn giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

**5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>7.719.599.716</b>	<b>4.657.301.320</b>
Chi phí Cải tạo Trụ sở Tổng Công ty tại số 57 Quang Trung	7.126.004.261	4.097.151.320
Chi phí mua đất bên Đông Anh (*)	560.150.000	560.150.000
Chi phí mua tài sản cố định khác	33.445.455	-
<b>Tổng</b>	<b>7.719.599.716</b>	<b>4.657.301.320</b>

(\*): Các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất quy hoạch giãn dân của UBND xã Cổ Loa, Đông Anh với tổng diện tích là 189 m<sup>2</sup>.





BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

5.12 Các khoản đầu tư dài hạn

Tỷ lệ		30/06/2025		01/01/2025		Đơn vị tính: VND
Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty con						
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội	50,36%	192.511.012.070		-	192.511.012.070	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Xây dựng Tây Hồ	50,09%	87.683.054.206		-	87.683.054.206	-
Công ty Cổ phần Thiết bị và Vật liệu Xây dựng Hancorp	95,52%	22.427.957.864		-	22.427.957.864	-
Công ty TNHH MTV Hancorp 3	100,00%	32.000.000.000		-	32.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Hantech	100,00%	20.000.000.000		-	20.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hancorp 1 Hà Nội	100,00%	10.000.000.000		-	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Hancorp	51,00%	10.200.000.000		-	10.200.000.000	-
	51,00%	10.200.000.000		-	10.200.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

5.12 Các khoản đầu tư dài hạn (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Tỷ lệ			30/06/2025			01/01/2025		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết		Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết				344.878.757.352		(6.551.200.000)	344.878.757.352		(6.551.200.000)
Công ty Cổ phần Hancorp	27,73%	27,73%		8.320.000.000		-	8.320.000.000		-
Công ty Cổ phần Xây dựng Hancorp.2	46,07%	46,07%		3.706.000.000		(3.706.000.000)	3.706.000.000		(3.706.000.000)
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kinh doanh Nhà	36,00%	36,00%		2.244.173.657		-	2.244.173.657		-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 34	30,00%	30,00%		9.706.450.571		-	9.706.450.571		-
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng	29,95%	29,95%		2.845.200.000		(2.845.200.000)	2.845.200.000		(2.845.200.000)
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới Xây lắp	28,53%	28,53%		17.428.165.112		-	17.428.165.112		-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	28,07%	28,07%		19.087.163.048		-	19.087.163.048		-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư và Xây dựng	27,00%	27,00%		10.919.762.009		-	10.919.762.009		-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bất động sản Lanmak	27,00%	27,00%		19.451.653.582		-	19.451.653.582		-
Công ty TNHH Quốc tế Hồ Tây	25,00%	25,00%		91.614.451.680		-	91.614.451.680		-
Công ty Cổ phần Công nghệ Xây dựng Hancorp5	25,00%	25,00%		3.500.000.000		-	3.500.000.000		-
Công ty Cổ phần Xi măng Mỹ Đức (1)	44,00%	44,00%		150.055.737.693		-	150.055.737.693		-
Công ty Cổ phần Đầu tư Cao Tốc Hòa Bình - Sơn La	20,00%	20,00%		6.000.000.000		-	6.000.000.000		-



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

5.12 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

Tỷ lệ 30/06/2025 01/01/2025  
Đơn vị tính: VND

Đầu tư vào đơn vị khác	Tỷ lệ		30/06/2025		01/01/2025	
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Bạch Đằng	12,97%	12,97%	455.299.236.796	(30.216.224.000)	455.299.236.796	(30.216.224.000)
Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây dựng	0,97%	0,97%	4.542.847.049	-	4.542.847.049	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Hùng Lợi	0,97%	0,97%	8.686.787.651	-	8.686.787.651	-
Công ty Cổ phần Sahabak (I)	15,00%	15,00%	4.500.000.000	(4.500.000.000)	4.500.000.000	(4.500.000.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Mỹ	25,00%	25,00%	32.500.000.000	(19.500.000.000)	32.500.000.000	(19.500.000.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng	11,27%	11,27%	83.990.800.000	-	83.990.800.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng 1 Hà Nội	10,00%	10,00%	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng 1 Hà Nội	1,27%	1,27%	1.695.579.072	-	1.695.579.072	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà CIE - CMC - Vinaconex E&C	2,95%	2,95%	1.474.200.000	-	1.474.200.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đô thị Việt Nam	10,25%	10,25%	3.488.318.859	-	3.488.318.859	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Bắc Hà Nội	1,50%	1,50%	3.000.000.000	(3.000.000.000)	3.000.000.000	(3.000.000.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị (PCG) (2)	1,16%	1,16%	1.613.940.000	-	1.613.940.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI) (3)	0,17%	0,17%	690.000.000	-	690.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	8,06%	8,06%	175.218.750.000	-	175.218.750.000	-
Công ty Cổ phần BOT Xe điện mặt đất số 1	1,45%	1,45%	3.216.224.000	(3.216.224.000)	3.216.224.000	(3.216.224.000)
Công ty Cổ phần Trung Đô	10,07%	10,07%	55.861.727.130	-	55.861.727.130	-
Công ty CP Lắp máy Điện nước và Xây dựng	6,00%	6,00%	43.820.063.035	-	43.820.063.035	-
Công ty Cổ phần Đô thị Mộc Châu	15,00%	15,00%	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Tổng			992.689.006.218	(*) (36.767.424.000)	992.689.006.218	(*) (36.767.424.000)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

**5.12 Các khoản đầu tư dài hạn (Tiếp theo)**

- (1): Tỷ lệ góp vốn bao gồm cả phần Tổng Công ty đứng tên cho các cổ đông khác. Phần vốn góp Tổng Công ty đang đứng tên này được thuyết minh tại Thuyết minh số 5.19.
- (2): Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị (PCG) được xác định theo giá đóng cửa của chứng khoán này trên sàn HNX tại ngày 30/6/2025 (giá đóng cửa tại ngày 30/06/2025) và ngày 31/12/2024 (giá đóng cửa tại ngày 31/12/2024) tương ứng 414.390.000 VND và 1.483.080.000 VND.
- (3): Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI) được xác định theo giá đóng cửa của chứng khoán này trên sàn HNX tại ngày 30/6/2025 (giá đóng cửa tại ngày 30/06/2025) và ngày 31/12/2024 (giá đóng cửa tại ngày 31/12/2024) tương ứng là 670.000.000 VND và 880.000.000 VND.
- (\*) : Tại ngày 30/6/2025, đối với các khoản đầu tư còn lại, Ban lãnh đạo Tổng Công ty đánh giá giá trị dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trên cơ sở giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do Tổng Công ty tự xác định.
- Giao dịch các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 7.1 - Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

**5.13 Chi phí trả trước**

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Dài hạn	929.943.013	1.048.098.074
Chi phí dụng cụ văn phòng	929.943.013	1.048.098.074
<b>Tổng</b>	<b>929.943.013</b>	<b>1.048.098.074</b>

**5.14 Phải trả người bán**

*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2025		01/01/2025	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>713.989.057.041</b>	<b>713.989.057.041</b>	<b>648.207.902.213</b>	<b>648.207.902.213</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng số 34	3.498.655.510	3.498.655.510	3.311.312.553	3.311.312.553
Công ty Cổ phần Đầu tư Lạc Hồng	12.998.501.641	12.998.501.641	12.998.501.641	12.998.501.641
Công ty TNHH Hà Hùng	7.005.558.317	7.005.558.317	15.680.987.701	15.680.987.701
Công ty Cổ phần Đầu tư nhà và Xây dựng Tây Hồ	11.162.761.891	11.162.761.891	9.524.074.355	9.524.074.355
Công ty Cổ phần Nền móng và Xây dựng ACC-BVA	4.979.721.953	4.979.721.953	6.029.721.953	6.029.721.953
Công ty Cổ phần Xây dựng Thăng Long	4.128.013.706	4.128.013.706	4.128.013.706	4.128.013.706
Chi nhánh Hợp tác xã Vận tải ô tô Tân Phú	3.893.659.067	3.893.659.067	12.986.130.119	12.986.130.119
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước và Xây dựng	-	-	42.536.350	42.536.350
Công ty TNHH Thang máy và thiết bị Nam Long	58.176.132.065	58.176.132.065	36.557.448.543	36.557.448.543
Công ty CP đầu tư TM và Công nghệ Tân Thành An	11.250.999.868	11.250.999.868	20.119.027.160	20.119.027.160
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bất động sản Lanmak	55.689.357.026	55.689.357.026	57.339.010.475	57.339.010.475
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới Xây lắp	36.179.217.415	36.179.217.415	19.200.310.284	19.200.310.284
Công ty Cổ phần Xây dựng Bảo tàng HCM	10.941.203.644	10.941.203.644	15.420.512.943	15.420.512.943
Các đối tượng khác	494.085.274.938	494.085.274.938	434.870.314.430	434.870.314.430
<b>Tổng</b>	<b>713.989.057.041</b>	<b>713.989.057.041</b>	<b>648.207.902.213</b>	<b>648.207.902.213</b>
<i>Trong đó phải trả người bán các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>126.648.127.086</i>	<i>126.648.127.086</i>	<i>111.615.900.531</i>	<i>111.615.900.531</i>

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI - CTCP**Số 57 Quang Trung, phường Hai Bà Trưng,  
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

**5.15 Người mua ứng tiền trước ngắn hạn**

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Tổng Công ty cảng Hàng không Việt Nam - CTCP	80.832.222.386	98.513.690.140
Cục Hậu Cần - Bộ Công An	73.237.444.349	84.124.593.296
ĐTXD CT mở rộng BV 30-4 BCA	15.908.493.447	15.079.806.428
Các đối tượng khác	87.732.991.740	153.216.471.705
<b>Tổng</b>	<b>257.711.151.922</b>	<b>350.934.561.569</b>

Trong đó người mua ứng tiền trước là các bên  
liên quan  
(trình bày tại Thuyết minh số 7.1)

90.999.600 317.845.317

**5.16 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước**

Đơn vị tính: VND

	01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2025
<b>a. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<b>130.067.770.177</b>	<b>32.173.072.569</b>	<b>74.437.569.727</b>	<b>87.803.273.019</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.766.648.154	-	19.766.648.154	-
Thuế thu nhập cá nhân	110.994.298	1.940.794.023	2.051.788.321	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	67.819.595.708	27.432.524.355	9.585.530.607	85.666.589.456
Cổ tức phải nộp cho phần vốn Nhà nước	41.819.321.520	-	41.819.321.520	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	551.210.497	2.799.754.191	1.214.281.125	2.136.683.563
<b>b. Các khoản phải thu Nhà nước</b>	<b>18.972.783.977</b>	<b>-</b>	<b>20.481.490.233</b>	<b>39.454.274.210</b>
Thuế giá trị gia tăng	16.687.158.668	-	14.139.688.843	30.826.847.511
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.285.625.309	-	6.265.498.750	8.551.124.059
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	76.302.640	76.302.640

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm soát của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo Quyết định của Cơ quan thuế.

**5.17 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Chi phí lãi vay	556.426.404	703.913.910
Trích trước chi phí các công trình xây dựng	749.350.242.697	773.764.764.827
Trích trước chi phí các dự án Bất động sản	358.250.820.201	401.986.602.613
<b>Tổng</b>	<b>1.108.157.489.302</b>	<b>1.176.455.281.350</b>



**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI - CTCP**Số 57 Quang Trung, phường Hai Bà Trưng,  
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

**5.18 Doanh thu chưa thực hiện**

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.947.772.916</b>	<b>3.947.772.916</b>
Trung tâm thương mại 3 tầng Dự án tổ hợp	3.947.772.916	3.947.772.916
Chung cư 28 tầng Làng Quốc tế Thăng Long (*)		
<b>Dài hạn</b>	<b>143.038.326.695</b>	<b>145.012.213.153</b>
Trung tâm thương mại số 3 tầng Dự án tổ hợp	143.038.326.695	144.898.213.153
Chung cư 28 tầng Làng Quốc tế Thăng Long (*)		
Doanh thu chưa thực hiện khác	-	114.000.000
<b>Tổng</b>	<b>146.986.099.611</b>	<b>148.959.986.069</b>

(\*): Đây là doanh thu nhận trước tiền cho thuê trung tâm thương mại theo hợp đồng sau:

- (1) Hợp đồng cho thuê ngày 29/11/2012 giữa Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương.
- (2) Biên bản thỏa thuận ngày 25/5/2017 giữa Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương và Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce.  
Tổng giá trị hợp đồng là 218 tỷ đồng, thời hạn cho thuê là 50 năm từ ngày 29/11/2012.

**5.19 Phải trả khác**

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>156.458.631.330</b>	<b>175.760.624.233</b>
Kinh phí công đoàn	118.775.659	219.619.918
Phải trả, phải nộp khác	156.339.855.671	175.541.004.315
Cổ tức lợi nhuận phải trả	588.839.224	588.839.224
Phí bảo trì 2% - Dự án N06, N07	27.850.751.820	27.552.471.000
Phí bảo trì 2% - Dự án Tòa nhà N01T8 NGĐ	2.218.524.242	2.200.398.868
Số dư quỹ Khen thưởng, Phúc lợi chia cho người lao động khi cổ phần hóa	8.837.794.747	8.839.894.747
Phải trả tiền nhận góp vốn hộ vào Công ty CP Xi măng Mỹ Đức (*)	9.793.145.000	9.793.145.000
Phải trả tiền nhận góp vốn hộ vào Công ty Cổ phần Sahabak (*)	13.000.000.000	13.000.000.000
Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản TASECO	28.048.172.268	28.048.172.268
Phải trả lãi vay	1.517.613.193	1.517.613.193
Công ty CP đầu tư khai thác nhà ga quốc tế Đà Nẵng	21.420.000.000	38.250.000.000
Các khoản phải trả khác	43.065.015.177	45.750.470.015
<b>Tổng</b>	<b>156.458.631.330</b>	<b>175.760.624.233</b>

Trong đó phải trả khác là các bên liên quan  
(trình bày tại Thuyết minh số 7.1)

4.185.563.949

4.175.406.826

(\*): Các khoản phải trả tiền nhận vốn góp hộ đầu tư vào các đơn vị chi tiết tại Thuyết minh số 5.12 - Các khoản đầu tư tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

5.20 Vay và nợ thuê tài chính

		30/06/2025		Phát sinh trong kỳ		01/01/2025	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay							
Vay ngắn hạn		818.537.901.680	818.537.901.680	602.667.341.076	475.312.753.829	691.183.314.433	691.183.314.433
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch (1)		634.845.028.984	634.845.028.984	486.608.969.845	243.096.320.837	391.332.379.976	391.332.379.976
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (2)		143.439.979.967	143.439.979.967	87.058.371.231	232.216.432.992	288.598.041.728	288.598.041.728
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Xây dựng Tây Hồ (3)		15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần thiết bị & vật liệu Xây dựng Hancorp (4)		14.000.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Xây lắp (5)		8.802.892.729	8.802.892.729	-	-	8.802.892.729	8.802.892.729
Vay các đối tượng khác		2.450.000.000	2.450.000.000	-	-	2.450.000.000	2.450.000.000
Tổng		818.537.901.680	818.537.901.680	602.667.341.076	475.312.753.829	691.183.314.433	691.183.314.433

Trong đó: Vay với các bên liên quan trình bày tại Thuyết minh số 7.1

8.802.892.729



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

**5.20 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

(1) Bao gồm số dư của các hợp đồng hạn mức tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/134621/HĐTD ngày 05/09/2024 giữa Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh SGD 1. Hạn mức tín dụng: 700.000.000.000 VND (*Bảng chữ: Bảy trăm tỷ đồng*), trong đó dư nợ ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán, mở L/C tại mọi thời điểm không vượt quá 200.000.000.000 VND (*Bảng chữ: Hai trăm tỷ đồng*). Hạn mức trên đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn, dư bảo lãnh, mở L/C của Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN SGD 1 theo hợp đồng tín dụng số 02/2023/134621/HĐTD. Thời hạn cấp hạn mức: Từ 05/09/2024 đến 31/08/2025; lãi suất và thời gian cho vay/thời hạn bảo lãnh/thời hạn L/C được quy định trên từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, L/C được phát hành. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, cấp bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Biện pháp đảm bảo quy định cụ thể tại “Mục 3. Biện pháp đảm bảo” của hợp đồng.

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 03/2023/134621/HĐTD ngày 10/10/2023 giữa Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh SGD 1. Hạn mức tín dụng: 700.000.000.000 VND (*Bảng chữ: Bảy trăm tỷ đồng*). Hạn mức trên đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn, dư bảo lãnh, mở L/C của Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh SGD 1. Thời hạn cấp hạn mức: Từ 15/10/2023 đến 22/10/2025; lãi suất và thời gian cho vay/thời hạn bảo lãnh/thời hạn L/C được quy định trên từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, L/C được phát hành. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, cấp bảo lãnh, mở L/C phục vụ thi công Hợp đồng thi công xây dựng công trình. Biện pháp đảm bảo quy định cụ thể tại “Mục 3. Biện pháp đảm bảo” của hợp đồng.

(2) Bao gồm số dư của các hợp đồng hạn mức tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2024/134621/HĐTD ngày 05/09/2024 giữa Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội. Hạn mức tín dụng: 350.000.000.000 VND (*Bảng chữ: Ba trăm năm mươi tỷ đồng*). Hạn mức trên đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn, dư bảo lãnh, mở L/C của Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 02/2023/134621/HĐTD. Thời hạn cấp hạn mức: Từ 05/09/2024 đến 31/08/2025; lãi suất và thời gian cho vay/thời hạn bảo lãnh/thời hạn L/C được quy định trên từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, L/C được phát hành. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, cấp bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Biện pháp đảm bảo quy định cụ thể tại “Mục 3. Biện pháp đảm bảo” của hợp đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 03/2023/134621/HĐTD ngày 09/10/2023 giữa Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội. Số tiền cấp tín dụng: 600.000.000.000 VND (*Bảng chữ: Sáu trăm tỷ đồng*). Thời hạn cấp tín dụng: đến hết 05/12/2026; lãi suất và thời gian cho vay/thời hạn bảo lãnh/thời hạn L/C được quy định trên từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, L/C được phát hành. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, cấp bảo lãnh, mở L/C phục vụ thi công Hợp đồng thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị. Biện pháp đảm bảo quy định cụ thể tại “Mục 3. Biện pháp đảm bảo” của hợp đồng.

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI - CTCP**  
Số 57 Quang Trung, phường Hai Bà Trưng,  
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

**5.20 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

- (3) Hợp đồng tiền vay có kỳ hạn số 02/2025/TH-HANCORP ngày 24/3/2025 giữa Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Xây dựng Tây Hồ. Số tiền: 15.000.000.000 VND. Thời hạn: 6 tháng; lãi suất 6,6%/năm. Biện pháp bảo đảm: Tín chấp.
- (4) Hợp đồng tiền vay có kỳ hạn ngày 17/3/2025 giữa Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP và Công ty Cổ phần thiết bị & vật liệu Xây dựng Hancorp. Số tiền: 15.300.000.000 VND. Thời hạn: 9 tháng; lãi suất 7%/năm. Biện pháp bảo đảm: Tín chấp.
- (5) Hợp đồng tiền vay có kỳ hạn số 02/MCS-HANCORP ngày 29/12/2021 giữa Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP và Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới Xây lắp. Số tiền: 30.000.000.000 VND (Bằng chữ: Ba mươi tỷ đồng chẵn). Thời hạn: 03 tháng, gia hạn đến 31/3/2023; lãi suất 8%/năm. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Biện pháp bảo đảm: Tín chấp.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

**5.21 Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2024	1.410.480.000.000	37.153.132.649	44.633.126.875	1.492.266.259.524
Lãi trong năm trước	-	-	44.751.562.735	44.751.562.735
Trích lập các quỹ	-	318.726.875	(2.318.726.875)	(2.000.000.000)
Chi cổ tức	-	-	(42.314.400.000)	(42.314.400.000)
Số dư tại 31/12/2024	1.410.480.000.000	37.471.859.524	44.751.562.735	1.492.703.422.259
Số dư tại 01/01/2025	1.410.480.000.000	37.471.859.524	44.751.562.735	1.492.703.422.259
Lãi trong kỳ này	-	-	23.299.659.376	23.299.659.376
Số dư tại 30/6/2025	1.410.480.000.000	37.471.859.524	68.051.222.111	1.516.003.081.635

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Vốn góp của Nhà nước (Bộ Xây dựng)	1.393.996.080.000	1.393.996.080.000
Vốn góp của đối tượng khác	16.483.920.000	16.483.920.000
<b>Tổng</b>	<b>1.410.480.000.000</b>	<b>1.410.480.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu kỳ	1.410.480.000.000	1.410.480.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	1.410.480.000.000	1.410.480.000.000
Cổ tức	-	-

**d. Cổ phiếu**

	30/6/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	141.048.000	141.048.000
Số lượng cổ phiếu đã bán	141.048.000	141.048.000
Cổ phiếu phổ thông	141.048.000	141.048.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	141.048.000	141.048.000
Cổ phiếu phổ thông	141.048.000	141.048.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

**5.22 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ và cam kết thuê hoạt động**

**a. Tài sản cho thuê ngoài**

Tổng Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo các hợp đồng thuê hoạt động, cụ thể:

- Cho thuê một phần Tòa nhà văn phòng tại số 57 Quang Trung, phường Hai Bà Trưng, Hà Nội;
- Cho thuê mặt bằng tầng hầm, trung tâm thương mại khối 3 tầng, tầng 1 và tầng 2, diện tích khu văn phòng thuộc dự án 28 tầng Làng Quốc tế Thăng Long;
- Tầng hầm, khu văn phòng tầng 1 thuộc khu nhà ở và thương mại N04A - dự án hạ tầng Ngoại giao đoàn;
- Tầng hầm và khu văn phòng tầng 1 thuộc dự án Nhà ở cao tầng N01T8 - dự án hạ tầng Ngoại giao đoàn;
- Sân tennis - Khu nhà ở công vụ và thương mại NO4A;
- Bể bơi và khu vực phục vụ bể bơi - Nhà ở cao tầng N01T8.

**b. Tài sản thuê ngoài**

(1) 886 m<sup>2</sup> đất trụ sở Tổng Công ty - số 57 Quang Trung, phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội:

+ Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số X 104740 ngày 08/9/2003 của UBND Thành phố Hà Nội cho thuê đất 30 năm làm trụ sở từ 28/01/2003 đến 28/01/2033.

+ Hợp đồng thuê đất số 43-2003/ĐCND-HĐTĐTN ngày 28/4/2003 cho thuê đất 57 Quang Trung thời hạn 30 năm làm trụ sở Tổng Công ty. Theo quy định của hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định hiện hành của Nhà nước.

+ Mục đích sử dụng: Lô đất này Tổng Công ty đang sử dụng làm trụ sở làm việc và cho thuê một phần.

(2) 6.094,91m<sup>2</sup> đất Khu TDTT có ký hiệu (H) tại Làng Quốc tế Thăng Long, phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội:

+ Hợp đồng thuê đất số 457/HĐTĐ-STNMT-CCQLĐĐ ngày 01/8/2017; Hình thức sử dụng đất: Thuê đất thời hạn hàng năm trả tiền thuê đất hàng năm.

+ Mục đích sử dụng: lô đất công cộng thể thao và khu bể bơi phục vụ cho khu vực Làng Quốc tế Thăng Long.

(3) 406 m<sup>2</sup> đất Nhà trẻ (khu K) tại Làng Quốc tế Thăng Long, phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

+ Hợp đồng thuê đất số 457/HĐTĐ-STNMT-CCQLĐĐ ngày 01/8/2017; Hình thức sử dụng đất: Thuê đất thời hạn hàng năm trả tiền thuê đất hàng năm.

+ Mục đích sử dụng: lô đất nhà trẻ, đây là lô đất phục vụ nhu cầu giáo dục cho khu vực Làng Quốc tế Thăng Long.

(4) 2.086 m<sup>2</sup> đất Trung tâm thương mại Tổ hợp nhà ở đa năng 28 tầng Làng Quốc tế Thăng Long - Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội:

+ Hợp đồng thuê đất số 103/HĐTĐ-STNMT-PC ngày 22/02/2016 giữa bên cho thuê Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội và Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP. Thời hạn thuê đất: 50 năm kể từ ngày 02/02/2010. Theo quy định của hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định hiện hành của Nhà nước.

+ Mục đích thuê đất: Để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Tổ hợp công trình đa năng 28 tầng.

**c. Ngoại tệ các loại**

	30/6/2025	01/01/2025
	USD	USD
Đô la Mỹ (USD)	88,80	67,00
<b>Tổng</b>	<b>88,80</b>	<b>67,00</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	357.458.398.139
Doanh thu hoạt động xây lắp	1.484.623.827.935	748.970.131.467
Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.287.298.134	4.889.946.841
<b>Tổng</b>	<b>1.500.911.126.069</b>	<b>1.111.318.476.447</b>
<i>Trong đó doanh thu với các bên liên quan (trình bày tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>2.864.975.738</i>	<i>3.561.837.101</i>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Giá vốn kinh doanh bất động sản	-	321.378.654.735
Giá vốn hoạt động xây lắp	1.458.068.211.274	736.769.758.258
Giá vốn cung cấp dịch vụ	12.847.047.080	4.292.369.078
<b>Tổng</b>	<b>1.470.915.258.354</b>	<b>1.062.440.782.071</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	128.201.913	171.681.117
Cổ tức, lợi nhuận được chia	38.267.100.000	19.125.000.000
<b>Tổng</b>	<b>38.395.301.913</b>	<b>19.296.681.117</b>
<i>Trong đó doanh thu với các bên liên quan (trình bày tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>301.702.740</i>	<i>-</i>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

**6.4 Chi phí tài chính**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Lãi tiền vay	21.867.398.146	19.675.980.973
<b>Tổng</b>	<b>21.867.398.146</b>	<b>19.675.980.973</b>
<i>Trong đó lãi vay với các bên liên quan (trình bày tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>284.602.740</i>	<i>-</i>

**6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí nhân viên quản lý	13.731.508.039	13.640.446.852
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.170.830.968	1.718.240.599
Thuế phí và lệ phí	655.484.596	585.527.365
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.084.406.395	5.232.046.605
<b>Tổng</b>	<b>23.642.229.998</b>	<b>21.176.261.421</b>

**6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Cho thuê văn phòng, địa điểm	1.485.215.454	2.925.095.777
Thu nhập từ thu phí tổng thầu, tiền điện, nước, phí quản lý của các nhà đầu tư thứ cấp, nhà thầu	32.842.688.611	18.925.142.988
Tiền thu từ hợp tác với nhà đầu tư thứ cấp dự án	-	50.512.562.998
Ngoại giao đoàn		
Thu nhập khác	6.257.168.082	1.336.813.132
<b>Tổng</b>	<b>40.585.072.147</b>	<b>73.699.614.895</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí quản lý, tiền điện của các nhà đầu tư thứ cấp, nhà thầu	27.984.817.887	18.698.071.624
Chi phí từ hợp tác với nhà đầu tư thứ cấp dự án	-	50.512.562.998
Ngoại giao đoàn		
Chi phí khác	12.182.136.368	3.127.725.298
<b>Tổng</b>	<b>40.166.954.255</b>	<b>72.338.359.920</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)</b>	<b>418.117.892</b>	<b>1.361.254.975</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

**6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN</b>	<b>23.299.659.376</b>	<b>28.683.388.074</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN chưa bao gồm hoạt động kinh doanh Bất động sản</b>	<b>23.299.659.376</b>	<b>(7.396.355.330)</b>
Các khoản điều chỉnh tăng	580.759.636	218.809.636
- Các khoản phạt chậm nộp	-	-
- Khấu hao ô tô trên 1,6 tỷ	94.763.636	94.763.636
- Thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách	485.996.000	124.046.000
Các khoản điều chỉnh giảm	38.267.100.000	19.125.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	38.267.100.000	19.125.000.000
Thu nhập chịu thuế TNDN	(14.386.680.988)	(26.302.545.694)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành chưa bao gồm hoạt động kinh doanh Bất động sản (1)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN hoạt động kinh doanh Bất động sản</b>	<b>-</b>	<b>36.079.743.404</b>
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	7.212.201.834
- Phân bổ chi phí quản lý	-	7.212.201.834
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	28.867.541.570
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành hoạt động Bất động sản (2)</b>	<b>-</b>	<b>5.773.508.314</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành = (1) + (2)</b>	<b>-</b>	<b>5.773.508.314</b>

**6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí nhân công	32.290.487.485	27.960.113.205
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.442.687.918	6.301.696.678
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.454.373.090.714	926.683.994.289
Chi phí khác bằng tiền	13.710.412.438	13.631.066.641
<b>Tổng</b>	<b>1.515.816.678.555</b>	<b>974.576.870.813</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

**7. THÔNG TIN KHÁC****7.1 Thông tin về các bên liên quan**

Tại ngày 30/6/2025, Tổng Công ty có các bên liên quan như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Bộ Xây dựng	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội	Công ty con
Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà và Xây dựng Tây hồ	Công ty con
Công ty CP Thiết bị và Vật liệu Xây dựng Hancorp	Công ty con
Công ty TNHH MTV Hancorp 3	Công ty con
Công ty TNHH MTV Hantech	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Hancorp1 Hà Nội	Công ty con
Công ty cổ phần Dịch vụ Đô thị Hancorp	Công ty con
Công ty Cổ phần Hancorp	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng Hancorp.2	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế và kinh doanh nhà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng số 34	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới Xây lắp	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần kinh doanh vật tư và Xây dựng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bất động sản LANMAK	Công ty liên kết
Công ty TNHH Quốc tế Hồ Tây	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Công nghệ Xây dựng Hancorp5	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xi măng Mỹ Đức	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Đầu tư Cao Tốc Hòa Bình- Sơn La	Công ty liên kết
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể

Trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan như sau:

**Giao dịch với các nhân sự chủ chốt và cổ đông**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND</b>	<b>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND</b>
Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và người quản lý khác	2.672.465.000	2.023.081.000
<b>Tổng</b>	<b>2.672.465.000</b>	<b>2.023.081.000</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

**7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

**Số dư các bên liên quan**

<b>Công nợ</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>30/6/2025 VND</b>	<b>01/01/2025 VND</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>		<b>13.432.691.750</b>	<b>14.895.188.068</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Hancorp	Công ty con	911.570.505	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội	Công ty con	177.265.256	317.915.854
Công ty TNHH MTV Hantech	Công ty con	19.564.998	19.564.998
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bất động sản Lanmak	Công ty liên kết	10.012.683.954	11.368.009.357
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư và Xây dựng	Công ty liên kết	476.807.349	476.807.349
Công ty Cổ phần thi công cơ giới Xây lắp	Công ty liên kết	1.368.777.271	2.246.868.093
Công ty cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kinh doanh Nhà	Công ty liên kết	33.070.675	33.070.675
Công ty Cổ phần xây dựng số 2	Công ty liên kết	432.951.742	432.951.742
<b>Trả trước cho người bán</b>		<b>223.891.391.314</b>	<b>213.042.228.672</b>
Công ty Cổ phần kinh doanh vật tư và xây dựng	Công ty liên kết	181.089.272	181.089.272
Công ty Cổ phần xây dựng Hancorp.2	Công ty liên kết	330.080.139	330.080.139
Công ty Cổ phần Cơ khí & xây dựng	Công ty liên kết	1.191.054.000	1.191.054.000
Công ty Cổ phần Hancorp	Công ty liên kết	140.092.253.674	109.710.895.110
Công ty CP xây dựng số 1 Hà Nội	Công ty liên kết	27.130.883.482	43.048.051.380
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	Công ty liên kết	18.105.176.361	21.469.130.748
Công ty TNHH Một thành viên Hancorp 3	Công ty con	8.408.918.329	8.408.918.329
Công ty TNHH MTV Hantech	Công ty con	16.214.602.435	16.214.602.435
Công ty Cổ phần Công nghệ và XD Hancorp 5	Công ty liên kết	11.052.000.050	11.204.097.626
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kinh doanh Nhà	Công ty liên kết	1.185.333.572	1.284.309.633
<b>Phải thu khác</b>		<b>197.993.400.031</b>	<b>207.228.096.082</b>
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng	Công ty liên kết	29.423.759.161	29.673.759.161
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Xây dựng Tây Hồ	Công ty con	11.632.552.346	12.396.048.746
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hancorp 1 Hà Nội	Công ty con	-	502.382.621
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bất động sản Lanmak	Công ty liên kết	7.196.409.464	7.196.409.464
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Hancorp	Công ty con	1.355.378.100	1.032.247.010
Công ty Cổ phần Hancorp	Công ty liên kết	43.534.895.940	42.552.036.594
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư và Xây dựng	Công ty liên kết	4.824.594.541	4.807.494.541
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới Xây lắp	Công ty liên kết	-	207.851.834
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kinh doanh Nhà	Công ty liên kết	1.600.227.067	1.637.127.067
Công ty Cổ phần Xây dựng Hancorp.2	Công ty liên kết	66.964.436.561	66.964.436.561
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội	Công ty con	517.659.892	459.618.775
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	Công ty liên kết	5.114.524.174	5.114.524.174
Công ty Cổ phần Thiết bị và Vật liệu Xây dựng Hancorp	Công ty con	59.153.992	8.902.385.408
Công ty TNHH MTV Hantech	Công ty con	12.481.856.724	12.481.856.724
Công ty Cổ phần Công nghệ Xây dựng Hancorp5	Công ty liên kết	-	11.965.333
Công ty TNHH MTV Hancorp 3	Công ty con	12.942.257.625	12.942.257.625
Công ty Cổ phần Xây dựng số 34	Công ty liên kết	345.694.444	345.694.444

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

**7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

**Số dư các bên liên quan**

Công nợ		30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Phải trả người bán</b>		<b>126.648.127.086</b>	<b>111.615.900.531</b>
Công ty Cổ phần dịch vụ đô thị Hancorp	Công ty con	-	350.123.400
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hancorp 1	Công ty con	18.766.235.030	20.268.617.651
Công ty Cổ phần XD số 34	Công ty liên kết	3.498.655.510	3.311.312.553
Công ty Cổ phần thiết bị & vật liệu XD Hancorp	Công ty con	1.351.900.214	1.351.900.214
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Xây dựng Tây Hồ	Công ty con	11.162.761.891	9.524.074.355
Công ty TNHH Quốc tế Hồ Tây	Công ty liên kết	-	49.785.459
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bất động sản Lanmak	Công ty liên kết	55.689.357.026	57.339.010.475
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới Xây lắp	Công ty liên kết	36.179.217.415	19.421.076.424
<b>Người mua trả tiền trước</b>		<b>90.999.600</b>	<b>317.845.317</b>
Công ty CP Đầu tư và TM Hancorp 1	Công ty con	90.999.600	90.999.600
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Hancorp	Công ty con	-	226.845.717
<b>Phải trả khác</b>		<b>4.185.563.949</b>	<b>4.175.406.826</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Hancorp	Công ty con	14.648.633	14.648.633
Công ty Cổ phần xây dựng số 34	Công ty liên kết	2.593.145.000	2.593.145.000
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Xây lắp	Công ty liên kết	1.498.181.275	1.488.024.152
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bất động sản Lanmak	Công ty liên kết	79.589.041	79.589.041
<b>Vay và nợ ngắn hạn</b>		<b>37.802.892.729</b>	<b>8.802.892.729</b>
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Xây lắp	Công ty liên kết	8.802.892.729	8.802.892.729
Công ty Cổ phần thiết bị & vật liệu XD Hancorp	Công ty con	14.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Xây dựng Tây Hồ	Công ty con	15.000.000.000	-

Đ.N: 0  
CÔNG  
TN  
KIỂM  
CPA VII  
HỒ HÀ



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

**7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****Giao dịch các bên liên quan khác**

Các bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
<b>Giao dịch bán hàng hóa dịch vụ</b>		<b>2.864.975.738</b>	<b>3.561.837.101</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Hancorp	Cung cấp dịch vụ	2.864.975.738	2.654.242.200
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội	Cung cấp dịch vụ	-	203.086.310
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bất động sản Landmark	Cung cấp dịch vụ	-	704.508.591
<b>Thu nhập khác</b>		<b>278.016.043</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội	Cung cấp dịch vụ	113.436.001	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bất động sản Landmark	Cung cấp dịch vụ	164.580.042	-
<b>Giao dịch mua hàng hóa dịch vụ</b>		<b>174.389.596.870</b>	<b>218.848.824.004</b>
Công ty Cổ phần Công nghệ Xây dựng Hancorp5	Thi công xây lắp	1.408.310.884	7.979.570.909
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bất động sản Lanmak	Thi công xây lắp	26.104.010.091	88.293.080.376
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới Xây lắp	Thi công xây lắp	81.905.043.571	88.033.324.433
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết Kế Xây dựng Kinh doanh Nhà	Thi công xây lắp	1.472.255.558	210.000.909
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Xây dựng Tây Hồ	Thi công xây lắp	1.804.614.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	Thi công xây lắp	30.527.035.384	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Hancorp	Dịch vụ	252.136.800	289.074.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội	Thi công xây lắp	30.654.021.491	34.043.773.377
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 34	Thi công xây lắp	262.169.091	-
<b>Cổ tức</b>		<b>17.100.000</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư và Xây dựng	Cổ tức	17.100.000	-
<b>Lãi cho vay, lãi ứng trước</b>		<b>284.602.740</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Thiết bị và Vật liệu Xây dựng Hancorp	Lãi vay	284.602.740	-
<b>Vay</b>		<b>29.000.000.000</b>	<b>14.000.000.000</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội	Vay	-	7.000.000.000
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Xây lắp	Vay	-	7.000.000.000
Công ty Cổ phần thiết bị & vật liệu XD Hancorp	Vay	14.000.000.000	-
Công ty CP ĐT nhà và XD Tây Hồ	Vay	15.000.000.000	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

**7.2 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2025

Người lập



Nguyễn Thị Thu Hương

Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Huy

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đỗ Quý

